

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/DS-ST

Ngày: 15/5/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-DS ngày 06/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST-DS ngày 24/4/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** NH BV. Địa chỉ: Tòa nhà HM Town 412, đường N T M K, P 5, Q 3, TP HCM. Người đại diện theo pháp luật: Ông N Q T; Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông N P H; Chức vụ: Giám đốc Trung T Quản lý và Thu hồi nợ. Ông N P H ủy quyền cho ông T B H, sinh năm 1983. Địa chỉ liên lạc: Số 228-230-232, đường Nguyễn Huệ, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (ông H có mặt).

2. **Bị đơn:**

- Bà NTBL, sinh năm 1987 (vắng mặt);

- Ông PCT, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 04, khóm LTD, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/01/2022, bà NTBL và ông PCT có xác lập hợp đồng tín dụng với NH BV (Ngân hàng), số tiền vay là 1.400.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung

vốn lưu động kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 10%/năm, lãi suất quá hạn đối với nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn nợ lãi là 10%/năm. Thời hạn vay là 05 tháng, ngày giải ngân là 11/01/2022, ngày thanh toán nợ 13/6/2022. Phương thức trả nợ: gốc trả cuối kỳ, lãi trả vào ngày 10 định kỳ 01 tháng/lần. Hình thức vay là thế chấp tài sản với tư cách khách hàng cá nhân.

Để đảm bảo cho khoản vay, giữa Ngân hàng với bà BL và ông T có ký hợp đồng thế chấp số 0782200000300 ngày 10/01/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 1.447,20m² đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 29 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở chuyên dùng 960m² tọa lạc tại xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS13031 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 25/11/2021 cho ông PCT và bà NTBL. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công Trứ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bà L và ông T đã nhận đủ số tiền theo giấy nhận nợ ngày 11/01/2022. Quá trình vay bà L, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc với số tiền 331.972 đồng, tiền lãi được 04 kỳ (tháng 2,3,4,5 năm 2022) với số tiền 56.291.475 đồng. Kể từ ngày 10/5/2022 đến nay, bà L và ông T không thực hiện việc thanh toán lãi cũng như nợ gốc cho Ngân hàng, vi phạm hợp đồng đã ký kết.

NH BV yêu cầu bà NTBL và ông PCT có trách nhiệm thanh toán một lần số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2023 là 1.607.757.602 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.399.688.028 đồng; nợ lãi trong hạn kể từ ngày 10/5/2022 là 13.041.096 đồng; lãi quá hạn là 193.844.432 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.204.068 đồng). Bà L và ông T còn phải chịu toàn bộ số tiền lãi, phí phạt phát sinh kể từ sau ngày 15/5/2023 theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng cho đến khi bà L, ông T thanh toán hết nợ. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên để đảm bảo việc thi hành án.

- *Bị đơn bà NTBL và ông PCT*: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo biên bản xác minh ngày 22/12/2022, bà NTBL và ông PCT có đăng ký thường trú tại: Tổ 04, khóm LTD, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG, đã không còn sinh sống tại địa phương từ đầu năm 2022 đến nay. Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 22/12/2022, được biết bà L, ông T là vợ chồng, có kinh doanh mua bán vật tư nông nghiệp, quá trình kinh doanh gặp khó khăn nên vợ chồng ông T, bà L đã không còn sinh sống tại địa phương.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2023, tài sản của bà NTBL và ông PCT đã thế chấp cho Ngân hàng vẫn còn nguyên hiện trạng và duy trì theo hợp đồng hợp đồng thế chấp số 0782200000300 ngày 10/01/2022.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, thực hiện hòa giải nhưng không thành. Ngoài các tài liệu, chứng cứ

do đương sự giao nộp, nguyên đơn không cung cấp, giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự... đều thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà NTBL và ông PCT vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và yêu cầu của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bà NTBL và ông PCT có trách nhiệm trả cho NH BV theo hợp đồng tín dụng số tiền tổng cộng là 1.607.757.602 đồng. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp 0782200000300 ngày 10/01/2022 để đảm bảo cho việc thi hành án. Bà L và ông T phải chịu án án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: NH BV khởi kiện yêu cầu bà NTBL và ông PCT có trách nhiệm thanh toán số tiền theo hợp đồng tín dụng, bà L và ông T cùng trú tại: khóm LTD, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG. Xét yêu cầu của đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà NTBL và ông PCT đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T theo quy định.

[2] Về nội dung:

NH BV yêu cầu bà NTBL và ông PCT có trách nhiệm thanh toán một lần số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2023 là 1.607.757.602 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.399.688.028 đồng; nợ lãi trong hạn kể từ ngày 10/5/2022 là 13.041.096 đồng; lãi quá hạn là 193.844.432 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.204.068 đồng). Bà L và ông T còn phải chịu toàn bộ số tiền lãi, phí phạt phát sinh kể từ sau ngày 15/5/2023 theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng cho đến khi bà L, ông T thanh toán hết nợ. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên để đảm bảo việc thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét, giữa NH BV với bà NTBL và ông PCT có thỏa thuận, xác lập hợp đồng tín dụng số 0782200000200 ngày 04/01/2022 và hợp đồng thế chấp số 0782200000300 ngày 10/01/2022 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng tuân thủ quy định của pháp luật. Các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại các Điều 117, 119, 295, 318, 463 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực pháp luật và hai bên cùng có nghĩa vụ thực hiện. Bà NTBL và ông PCT không thực hiện đúng và trách nhiệm của bên vay, vi phạm nghĩa vụ đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, NH BV yêu cầu bà L, ông T có trách nhiệm trả một lần số tiền vốn đã vay là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ.”* và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*.

[2.3] Đối với bị đơn: Theo khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, quy định:

“2. Dương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

3...

4. Dương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà NTBL và ông PCT không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NH BV, được xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập và có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định.

[2.4] Xét yêu cầu tính lãi: Hợp đồng tín dụng được xác lập giữa NH BV với bà NTBL và ông PCT có thỏa thuận về vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi là có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 91 luật Các tổ chức tín dụng.

Từ những nhận định nêu trên, xét cần buộc bà NTBL và ông PCT có trách nhiệm trả cho NH BV số tiền theo hợp đồng tín dụng tổng cộng là: 1.607.757.602 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.399.688.028 đồng; nợ lãi trong hạn kể từ ngày 10/5/2022 là 13.041.096 đồng; lãi quá hạn là 193.844.432 đồng, phạt chậm trả lãi là 1.204.068 đồng).

[2.5] Xét yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất 1.447,20m² đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thuộc thửa đất số

27, tờ bản đồ số 29 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở chuyên dùng 960m² tọa lạc tại xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS13031 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 25/11/2021 cho ông PCT và bà NTBL theo hợp đồng thế chấp số 0782200000300 ngày 10/01/2022 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 95 luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, NH BV đã tạm ứng chi phí số tiền 1.000.000 đồng, Tòa án đã thực chi 1.000.000 đồng và đã quyết toán với Ngân hàng theo biên bản quyết toán ngày 11/01/2023, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn bà NTBL và ông PCT phải chịu chi phí tố tụng, do đó buộc bà L và ông T phải trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng chi phí tố tụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà NTBL và ông PCT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 158, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NH BV.

Buộc bà NTBL và ông PCT có nghĩa vụ trả cho NH BV số tiền theo hợp đồng tín dụng tổng cộng là 1.607.757.602 (*một tỷ, sáu trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm lẻ hai đồng*) đồng.

Kể từ ngày 16/5/2023, bà NTBL và ông PCT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà L, ông T phải tiếp tục thanh toán cho NH BV theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của NH BV.

2. Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 0782200000300 ngày 10/01/2022 để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Buộc bà NTBL và ông PCT phải trả cho NH BV số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng chi phí tố tụng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà NTBL và ông PCT phải chịu 60.233.000 (sáu mươi triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho NH BV số tiền 27.347.000 (hai mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006907 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Sang